

Bản án số: 150/2019/HS-ST
Ngày 29/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX, TỈNH AG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hiệp Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng Bích;

Ông Trần Thanh Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX, tỉnh AG tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 152/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Ngọc Hải Q, sinh năm 1971, tại thành phố LX, tỉnh AG; nơi cư trú: Số 474G, khóm ĐA6, phường MX, thành phố LX, tỉnh AG; nghề nghiệp: chạy xe mô tô ba bánh thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 02/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc Thành (chết) và bà Bùi Thị Cẩm Vân, sinh năm 1951; có sáu anh em, bị can thứ nhất; có vợ là Lê Nhựt Tố Quyên, sinh năm 1971 và 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1993; nhân thân: Từ nhỏ sống chung với cha mẹ tại phường MX, thành phố LX, đi học hết lớp 4 thì nghỉ; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29 tháng 8 năm 2019 đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc Hải Q: Ông Võ Văn Mão-Luật sư Văn phòng Luật sư Bình Dân, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh AG, có mặt.

2. Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1971, tại thành phố LX, tỉnh AG; nơi cư trú: khóm PQ, phường ML, thành phố LX; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Khỏe, sinh năm 1951 và bà Đặng Thị Bảnh (chết); có bốn chị em, bị cáo thứ nhất; có chồng là Nguyễn Văn Tuấn, sinh năm

1972 và có 01 con sinh năm 1992; nhân thân: Từ nhỏ sống chung với cha mẹ tại phường ML, thành phố LX, đi học hết lớp 01 thì nghỉ; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18 tháng 10 năm 2019 cho đến nay, có mặt.

3. Trần Ngọc D, sinh năm 1997, tại thành phố LX, tỉnh AG; nơi cư trú: số 477/9A, khóm TK2, phường MH, thành phố LX; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Nhiều, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng, sinh năm 1978; có hai anh em, bị cáo thứ nhất; bị cáo chưa có vợ con; nhân thân: Từ nhỏ sống chung với cha mẹ tại phường MH, thành phố LX, đi học hết lớp 9 thì nghỉ; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18 tháng 10 năm 2019 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại:

+ Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1981; địa chỉ: Khu dân cư ấp MK2, xã MH Hưng, thành phố LX, tỉnh AG, có mặt.

+ Ông Đỗ Văn Đ, sinh năm 1999; địa chỉ: Khu dân cư ấp MK2, xã MH Hưng, thành phố LX, tỉnh AG, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2017, chị Huỳnh Thị C vay 30.000.000 đồng của Phạm Ngọc Hải Q nhưng không làm hợp đồng, trong đó 20.000.000 đồng vay không kỳ hạn, lãi 200.000 đồng mỗi ngày, C đóng lãi được 1.000.000 đồng thì ngưng nhưng không trả vốn cho Q và 10.000.000 đồng vay trả góp trong 40 ngày, mỗi ngày trả 300.000 đồng, C trả được 3.600.000 đồng thì ngưng. Đến ngày 30 tháng 11 năm 2017, Q rủ T, Vũ đến nhà C để đòi nợ. Tại đây, C viết giấy xác nhận còn nợ của Q 25.400.000 đồng, mỗi ngày trả 100.000 đồng, mỗi tháng trả thêm 5.000.000 đồng thì Q đồng ý. Q kêu Vũ giúp Q mỗi ngày đến nhà C nhận tiền về giao lại cho Q nhưng C chỉ trả được khoảng 3.000.000 đồng thì không còn khả năng trả nợ nên lánh mặt Q.

Khoảng 04 giờ ngày 04 tháng 02 năm 2019, Vũ đến nhà C thì thấy C đang ở nhà nên gọi điện thoại cho T và Q biết. T rủ và điều khiển xe mô tô chở Trần Ngọc D cùng Q (điều khiển xe mô tô đi một mình) đến nhà C. T đứng bên ngoài kêu C ra nói chuyện thì bà Nguyễn Thị Khoe ra mở cửa. D đứng ở cửa còn T, Q, Vũ bước vào nhà gặp C đòi nợ nhưng C cho biết không có tiền nên T dùng tay tát vào mặt C 01 cái. Sau đó, Q nói với T, Vũ, D lấy 02 xe mô tô đang dựng trong nhà, khi nào C trả nợ thì sẽ trả xe. Vũ vào dẫn xe mô tô nhãn hiệu Acumen, kiểu dáng Future Neo, biển số 67M6-8613 (xe không rút chìa khóa) của C, còn Q dẫn xe mô tô nhãn hiệu Wayec, màu đỏ, biển số 67M2-0849 của

anh Đỗ Văn Đ (con ruột của C) ra ngoài đưa cho D. Sau đó, T kêu D điều khiển xe mô tô 67M6-8613 về để ở nhà T tại phường ML, thành phố LX. Còn Q điều khiển xe mô tô của Q đẩy xe mô tô 67M2-0849 do Vũ điều khiển đến bến phà Trà Ôn rồi nối dây điện mở công tắc xe mô tô 67M2-0849 cho Vũ sử dụng.

Đến 16 giờ ngày 04 tháng 02 năm 2019, chị C đến Công an xã MH Hưng trình báo sự việc trên.

Đến 20 giờ ngày 04 tháng 02 năm 2019, Q kêu Vũ đem xe mô tô 67M2-0849 đến Công an phường MX giao nộp, T đem xe mô tô 67M6-8613 đến Công an thành phố LX giao nộp.

* Kết luận về việc xác định giá trị tài sản số 17/KL.HĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố LX xác định:

- Xe mô tô nhãn hiệu Wayec, kiểu dáng Wave Alpha, biển số 67M2-0849 trị giá 4.037.000 đồng;

- Xe mô tô nhãn hiệu Acumen, kiểu dáng Future Neo, biển số 67M6-8613 trị giá 3.670.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 157/CT-VKS ngày 15 tháng 11 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX đã truy tố các bị cáo Phạm Ngọc Hải Q, Nguyễn Thị Thu T, Trần Ngọc D về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, xin Hội đồng xét xử xử phạt nhẹ; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Giữ nguyên Quyết định truy tố các bị cáo về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự; Riêng đối với bị cáo D được áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

- Bị cáo Q từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù;
- Bị cáo T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù;
- Bị cáo D từ 06 tháng đến 10 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo Q thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh và điều khoản truy tố các bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội. Từ việc bị hại vay tiền không trả nên Q kêu các đồng phạm lấy xe máy của bị hại với mục đích ràng buộc bị hại trả nợ. Bị cáo Q đã tự nguyện giao nộp tài sản chiếm đoạt, bị hại đã nhận lại tài sản; hậu quả do các bị cáo gây ra không lớn, bị cáo thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải, phạm tội trong tình trạng bị kích động về tinh thần do hành vi trái

pháp luật của bị hại, hoàn cảnh gia đình của bị cáo quá khó khăn, vợ bị cáo đang bị bệnh nhưng phải đi làm thuê và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Thấy rằng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đủ điều kiện được hưởng án treo. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Q từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố LX, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi bị truy tố của các bị cáo: xuất phát từ việc bị hại Huỳnh Thị C vay tiền của Q nhưng không trả nợ mà bỏ đi sinh sống ở địa phương khác. Được tin C trở về nhà trong dịp tết nguyên đán thì các bị cáo Q, T, Trần Ngọc D và Vũ đến nhà C để đòi nợ nhưng C cho biết không có tiền trả nợ thì T dùng tay tát vào mặt C một cái. Sau đó, Q kêu T, Vũ, D lấy 02 xe mô tô biển số 67M6-8613 và 67M2-0848 đang dựng trong nhà, khi nào C trả nợ thì sẽ trả xe. Vũ vào dẫn xe mô tô biển số 67M6-8613 của C, còn Q dẫn xe mô tô biển số 67M2-0849 của anh Đỗ Văn Đ ra ngoài đưa cho D. Thấy vậy, bà Khoe, anh Đ nắm xe mô tô 67M2-0849 kéo lại và nói xe này của Đ thì bị Q quát nạt nên anh Đ, bà Khoe buông xe ra. Sau đó, T kêu D điều khiển xe mô tô 67M6-8613 về để ở nhà T tại phường ML, thành phố LX. Còn Q điều khiển xe mô tô của Q đẩy xe mô tô 67M2-0849 do Vũ điều khiển đến bến phà Trà Ôn nối dây điện mở công tắc xe mô tô 67M2-0849 cho Vũ sử dụng.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo ở giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với lời khai của các bị hại.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, do bị hại có vay tiền của bị cáo Q nhưng không trả nên Q cùng với T, D uy hiếp tinh thần của bị hại để chiếm đoạt tài sản.

Kết luận về việc xác định giá trị tài sản số 17/KL.HĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố LX xác định:

- Xe mô tô nhãn hiệu Wayec, kiểu dáng Wave Alpha, biển số 67M2-0849 trị giá 4.037.000 đồng;

- Xe mô tô nhãn hiệu Acumen, kiểu dáng Future Neo, biển số 67M6-8613 trị giá 3.670.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 7.707.000 đồng.

Các bị cáo là người có công việc ổn định, là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng gắn với mỗi cá nhân, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu, sức khỏe của bà Huỳnh Thị C mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Giữa các bị cáo cùng là người thực hành nên được coi là đồng phạm giản đơn. Trong đồng phạm giản đơn, bị cáo Q là người chủ mưu, kêu T, D và Vũ lấy xe máy của bị hại nên bị cáo Q phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo T và D.

T và D đều là người thực hành. Tuy nhiên, bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội tích cực hơn D nên phải chịu hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của từng bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò tội phạm:

Các bị cáo Phạm Ngọc Hải Q, Nguyễn Thị Thu T, Trần Ngọc D đã cùng thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản tuy nhiên hành vi phạm tội gây ra thiệt hại không lớn; các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Người bào chữa cho bị cáo Q cho rằng các bị cáo phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra là chưa phù hợp pháp luật. Bởi lẽ, giữa bị cáo Q và bị hại có quan hệ vay mượn tiền là giao dịch dân sự. Bị hại không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Q có thể khởi kiện tại Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng ngược lại các bị cáo đã uy hiếp tinh thần để chiếm đoạt tài sản của bị hại nên không được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đề nghị của người bào chữa.

Các bị cáo T và D có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, xét không cần thiết cách ly người phạm tội khỏi đời sống xã hội, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

[5] Về xử lý vật chứng: không đề cập giải quyết.

[6] Về trách nhiệm dân sự: không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 170, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc Hải Q phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”;

Xử phạt: Phạm Ngọc Hải Q 01 (Một) năm tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 29/8/2019.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu T phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”;

Xử phạt: Nguyễn Thị Thu T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo;

Thời hạn thử thách là 01 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 29/11/2019).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thu T cho Ủy ban nhân dân phường ML, thành phố LX, tỉnh AG giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Trần Ngọc D: 06 (sáu) tháng tù nhưng hưởng án treo;

Thời hạn thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án (ngày 29/11/2019).

Giao bị cáo Trần Ngọc D cho Ủy ban nhân dân phường MH, thành phố LX, tỉnh AG giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: không đề cập giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phạm Ngọc Hải Q phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Trần Ngọc D phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo và bà Huỳnh Thị C có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh AG xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Đỗ Văn Đ là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích chế độ án treo cho bị cáo).

Nơi nhận:

- VKSND TP. LX;
- VKSND tỉnh AG;
- TAND tỉnh AG;
- Sở Tư pháp;
- CQTHAHS Công an TP. LX;
- CQĐT Công an TP. LX;
- Chi cục THADS TP. LX;
- Bộ phận THA Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Hiệp Phong